TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 25 tháng 4 năm 2019.
V/v: *"Chia tài sản sau khi ly hôn"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hưng Dũng
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Được và bà Nguyễn Thị Luyến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Đức – Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận: Ông Nguyễn Văn Thắng – Kiểm sát viên.

Trong hai ngày 09 tháng 4 năm 2019 và 25 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 13/2018/TLPT- HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2018 về việc "*Sở hữu chung của các thành viên trong gia đình",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐ-PT ngày 11 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Viên Thị K, sinh năm 1963.
Địa chỉ: khu phố 14, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.Có mặt

Bị đơn: Ông Tô Công T, sinh năm 1964. Vắng mặt
Địa chỉ: Khu phố K, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương.
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Tô Công T: Ông Trần Thanh S, sinh năm 1959.
Địa chỉ: 173 L, phường P, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận (văn bản ủy quyền ngày 15/3/2019). Có mặt

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Tô Công Thanh H, sinh năm 1971. Có mặt
2. Bà Võ Thị Thanh Thủy, sinh năm 1974. Có mặt

Cùng địa chỉ: khu phố 9, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

3. Bà C, sinh năm 1982. Địa chỉ: khu phố 14, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.Vắng mặt

Người đại diện hợp pháp của bà C: Bà Viên Thị K, sinh năm 1963 (theo văn bản ủy quyền ngày 06 – 3 – 2018).

Địa chỉ: khu phố 14, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1947.

Địa chỉ: Khu phố 9, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Viên Thị K trình bày:

Bà và ông Tô Công T là vợ chồng đã ly hôn năm 1992 theo Bản án số 02/LH – PT ngày 22 – 6 – 1992 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận. Khi ly hôn Tòa án đã giải quyết về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung. Tuy nhiên, có tài sản chung là thửa đất số 105, tờ bản đồ số 01, theo bản đồ 299, tờ số 01 thị trấn P do hợp tác xã B giao khoán năm 1989 cho hộ gia đình thì ông bà không yêu cầu chia mà thỏa thuận riêng bằng miệng cho con chung là C. Thời điểm hợp tác xã giao khoán thửa đất trên vào năm 1989, lúc đó hộ gia đình bà có 03 nhân khẩu gồm: Bà Viên Thị K, ông Tô Công T và con gái C, thời điểm cấp mỗi nhân khẩu là 500m^2. Năm 1993, ông Tô Công T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Sau khi ly hôn đến nay, ông Tkhông chịu giao thửa đất trên cho con C như thỏa thuận mà cho em trai là Tô Công Thanh H thuê để trồng táo nên nay bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia thửa đất số 857, tờ bản đồ số 09 thị trấn P, diện tích 1.680m^2 (tương ứng là thửa đấtsố 105, tờ bản đồ số 01, theo bản đồ 299, tờ số 01 thị trấn P) thành 03 phần bằng nhau (bà K 01 phần, bà Chi 01 phần, ông T01 phần), phần đất của bà với con gái C gộp lại thành một phần, bà yêu cầu nhận đất, phần án phí nhận đất bà đồng ý chịu cho bà C. Chi phí định giá, trích lục thửa đất bà tự nguyện chịu.

Bà đồng ý với trích lục của VPĐKĐĐ huyện N đo vẽ ngày 22/8/2018 và biên bản định giá tài sản ngày 10/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản do Tòa án thành lập. Đối với cây táo và giàn táo của ông Tô Công Thanh H và bà Võ Thị Thanh Thủy đang canh tác trên đất thì bà đồng ý bồi hoàn lại tiền giá trị giàn táo, cây táo trên phần đất bà và con gái được nhận cho ông H, bà T theo giá của Hội đồng định giá tài sản.

2. Tại các biên bản lấy lời khai bị đơn ông Tô Công T và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Tô Công T là ông Trần Thanh S trình bày:

Năm 1992, sau khi đi bộ đội ở Campuchia về, ông và ông Võ Bông được Hợp tác xã nông nghiệp B giao khoán chung thửa "Ruộng Gò" diện tích 3.200m^2, chia ra ông Tđược 1.600m^2, ông Bông được 1.600m^2. Diện tích đất ông Tđược cấp nhiều hơn 500m^2 theo bình quân một nhân khẩu là vì thời điểm này có chính sách ưu tiên cho người có công với cách mạng, thửa ruộng gò ở trên cao nên khó theo nước. Thời điểm giao khoán 1992 ông và bà K đã ly hôn, bà K đã dẫn con về nhà mẹ đẻ ở Phú Quý từ năm 1991. Năm 1993 ông Tđược cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa ruộng này tương ứng là thửa đất số 105, tờ bản đồ số 01, theo bản đồ 299. Sau khi canh tác được một vụ lúa thì ông chuyển nhượng diện tích đất này cho vợ chồng em trai Tô Công Thanh H và Võ Thị Thu T canh tác, sử dụng ổn định cho đến năm 2015.

Nay bà K khởi kiện chia tài sản chung là thửa đất này ông không đồng ý vì đất Hợp tác xã B cấp cho cá nhân ông không phải cho hộ gia đình, giao khoán khi ông và bà K đã ly hôn. Tài sản chung của ông và bà K đã được giải quyết tại bản bán ly hôn năm 1992.Ông không yêu cầu giải quyết việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông và vợ chồng ông H, bà T.

3. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Tô Công Thanh H trình bày:

Năm 1993, ông và vợ là Võ Thị Thu T nhận chuyển nhượng thửa đất số 105, tờ bản đồ số 01, theo bản đồ 299, thị trấn P của ông Tô Công T với giá một cây hai vàng (loại vàng y), vợ chồng ông không đưa vàng mà đưa chiếc xe môtô honda 67. Việc sang nhượng đất chỉ nói miệng không làm văn bản hay giấy tờ gì nhưng cha ông và các chị ông đều biết. Hiện tại trên đất vợ chồng ông trồng táo, đang thu hoạch. Nay bà K khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung là thửa đất ông đã nhận chuyển nhượng của ông Tthì ông không đồng ý vì đây là tài sản riêng của ông Truyền, không phải của hộ gia đình. Còn việc vợ chồng ông với ông Tsang nhượng đất cho nhau thì vợ chồng ông không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Bà Võ Thị Thanh Thủy trình bày: Bà đồng ý với ý kiến của ông Tô Công Thanh H trình bày.

Bà C trình bày: Bà là con của bà Viên Thị K. Bà đồng ý với nội dung trình bày cũng như yêu cầu khởi kiện của bà Viên Thị K.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số70/2018/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận đã quyết định:

Căn cứ vào:

- Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 48; Điều 203; Điều 208, Điều 227; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 212, Điều 219 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Viên Thị K về việc: Tranh chấp chia tài sản thuộc sở hữu chung của các thành viên gia đình.

- Giao cho bà Viên Thị K, bà C được quyền quản lý, sử dụng chung thửa đất số 1526, tờ bản đồ địa chính số 9 thị trấn P, có diện tích 1046m^2 (mỗi người được quyền sử dụng một phần bằng nhau) và toàn bộ tài sản trên đất là giàn táo 1046m^2 x 14.578đ/m^2 = 15.248.588đ và cây táo 50gốc x 150.000đ = 7.500.000đ. Buộc ông Tô Công Thanh H, bà Võ Thị Thanh Thủy là người trực tiếp quản lý, sử dụng thửa đất, tài sản trên đất có trách nhiệm giao lại cho bà Viên Thị K, bà C.

Bà K, bà Chi có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Vị trí tứ cận: Phía Đông giáp kênh L16 – 1, có cạnh dài 19,32m; Phía Tây giáp thửa 828, có cạnh dài 56,74m; Phía Nam giáp đường giao thông nông thôn, có cạnh dài 17,57m; Phía Bắc giáp thửa 1527, có cạnh dài 59,07m (Theo trích lục bản đồ địa chính số 2118 ngày 22 – 8 – 2018).

- Giao cho ông Tô Công T được quyền sử dụng chung thửa đất số 1527 tờ bản đồ địa chính số 9 thị trấn P có diện tích 523m^2 và toàn bộ tài sản trên đất là giàn táo 523m^2 x 14.578đ/m^2 = 7.624.294đ và cây táo 33 gốc x 150.000đ = 4.950.000đ. Buộc ông Tô Công Thanh H, bà Võ Thị Thanh Thủy là người trực tiếp quản lý, sử dụng thửa đất, tài sản trên đất có trách nhiệm giao lại cho ông Tô Công T.

Ông Tcó trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Vị trí tứ cận: Phía Đông giáp kênh L16 – 1, có cạnh dài 8,70; Phía Tây giáp thửa 1526, có cạnh dài 59,07m; Phía Nam giáp đường giao thông nông thôn, có cạnh dài 9,06m; Phía Bắc giáp thửa 115, có cạnh dài 60,41m (Theo trích lục bản đồ địa chính số 2118 ngày 22 – 8 – 2018).

2. Buộc bà Viên Thị K, bà C phải hoàn lại giá trị tài sản trên đất là gốc táo và giàn táo cho vợ chồng ông H, bà T số tiền là 22.748.588đ (mỗi người là

11.374.294đ). Buộc ông Tô Công T phải hoàn lại giá trị tài sản trên đất là gốc táo và giàn táo cho vợ chồng ông H, bà T số tiền là 12.574.294đ

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí; Nghĩa vụ chịu lãi suất chậm thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, ông Tô Công Thanh H là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Tô Công T có đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 70/2018/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm,bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn bà Viên Thị K. Công nhận Thửa đất số 105, tờ bản đồ số 01, tờ bản đồ 299 nay là thửa đất số 857, tờ bản đồ số 09, thị trấn P là của cá nhân ông Tô Công T.

Ngày 09 tháng 4 năm 2019, ông Trần Thanh S là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Tô Công T có đơn kháng cáo bổ sung yêu cầu hủy bản án dân sự sơ thẩm số 70/2018/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận;

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu:

Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Đơn kháng cáo của ông Tô Công Thanh H là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Tô Công T trong hạn luật định nên được xem xét giải quyết.

Về nội dung kháng cáo: Ông T trình bày ông năm 1992, ông tham gia chiến trường Campuchia về nên được Hợp tác xã B ưu tiên cấp đất, đáng lẽ chỉ được cấp 500m^2 đất nhưng do thời điểm đó Hợp tác xã nông nghiệp B còn dư đất nên cấp luôn cho ông T1.536m^2, năm 1993 ông được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Lời khai của ông T là phù hợp với lời khai của người làm chứng ông Đ cũng như phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Tô Công T số B604539 ngày 05/4/1993. Mặt khác, năm 1992 bà K khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Tô Công T và yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng, bản án ly hôn phúc thẩm ngày 22/6/1992 của TAND tỉnh Ninh Thuận đã giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà K, giải quyết cho bà được ly hôn với ông Tđồng thời giải quyết chia tài sản chung nhưng thửa đất 105, tờ bản đồ số 01, thị trấn P, huyện N không được đưa vào tài sản chung. Công văn số 1350/UBND-NC ngày 12/4/2019 của UBND huyện N xác định thửa đất 105 là đất cấp cho cá nhân ông Tô Công T chứ không phải của hộ gia đình. Vì những chứng cứ nêu trên có cơ sở xác định thửa đất 105, tờ bản đồ số 01, thị trấn P, huyện N nay là thửa đất số 875 tờ bản đồ số 9 thị trấn P là đất do Nhà nước giao khoán cho cá nhân ông Tô Công T, không phải cho hộ như lời bà K trình bày.

Do đó, yêu cầu kháng cáo của ông Tô Công T là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của ông Tô Công T, sửa bản án số 70/2018/HNGĐ-ST ngày 19/11/2018 của TAND huyện N theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Viên Thị K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Tô Công T vắng mặt, ủy quyền hợp pháp cho ông Trần Thanh S, ông S có mặt tại phiên tòa. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà C vắng mặt, ủy quyền hợp pháp cho bà Viên Thị K, bà K có mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2]. Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Viên Thị K không rút đơn khởi kiện. Đại diện theo ủy quyền của bị đơn Tô Công T là ông Trần Thanh S rút nội dung kháng cáo bổ sung yêu cầu hủy bản án sơ thẩm; Giữ nguyên nội dung kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn bà Viên Thị K và công nhận thửa đất số 105, tờ bản đồ số 01, tờ bản đồ 299 nay là thửa đất số 857, tờ bản đồ số 09, thị trấn P là của cá nhân ông Tô Công T. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Xét thấy:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Viên Thị K và ông Tô Công T là vợ chồng đã ly hôn năm 1992. Nay bà K khởi kiện ông Tyêu cầu chia tài sản chung của hộ gia đình, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án qui định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết vụ án hôn nhân gia đình nhưng xác định quan hệ tranh chấp là "Sở hữu chung của các thành viên trong gia đình" là chưa phù hợp. Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định lại quan hệ tranh chấp là "chia tài sản sau khi ly hôn".

[2.1] Về nội dung kháng cáo của bị đơn ông Tô Công T yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn bà Viên Thị K, xét thấy:

Nguồn gốc thửa đất số thửa đất số 105, tờ bản đồ số 01,thị trấn P (viết tắt là thửa đất 105) được các đương sự thừa nhận do Hợp tác xã B giao khoán; Nguyên đơn bà K trình bày giao khoán năm 1989 cho hộ gia đình gồm 03 thành viên là ông Truyền, bà K và con gái C nhưng không đưa ra được tài liệu, giấy tờ chứng minh; Bị đơn ông Tô Công T trình bày giao khoán năm 1992 cho cá nhân

ông Tvà cung cấp chứng cứ là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 604539 do Ủy ban nhân dân huyện N cấp cho ông T ngày 05/4/1993.

Quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm, căn cứ vào lời khai của ông Võ Hữu N - nguyên Đội trưởng đội 4 Hợp tác xã B (hiện nay đã chết), bà Bạch Thị Như T - cán bộ địa chính Ủy ban nhân dân thị trấn P, xác định: Thửa đất số 105, tờ bản đồ số 01 thị trấn P, huyện N diện tích 1.536m^2 được Hợp tác xã B giao khoán cho hộ gia đình ông Tô Công T năm 1992. Tại biên bản xác minh nhân khẩu ngày 02/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện N, bà Xây Thị Bích L – Đội trưởng Đội quản lý hành chính Công an huyện N có nội dung: Theo hồ sơ lưu giữ thể hiện, thời điểm năm 1989 - 1993, hộ gia đình ông Tô Công T gồm 03 nhân khẩu là ông Tô Công T, bà Viên Thị K và con gái C. Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ đầy đủ nhưng nhận định thửa đất đang tranh chấp do Hợp tác xã B giao khoán cho hộ gia đình ông Tô Công T và tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Viên Thị K chia tài sản chung thửa đất 105 là không có cơ sở.

Tại giai đoạn phúc thẩm bị đơn ông Tô Công T cung cấp nhân chứng ông Đ - nguyên Phó chủ nhiệm Hợp tác xã B phụ trách nông nghiệp giai đoạn năm 1989 - 1992, ông Đỏ khai: Năm 1992, ông Tô Công T và ông Võ B đi bộ đội ở Campuchia về, lúc này có chính sách ưu tiên cho người có công với cách mạng nên ông B và ông T được Hợp tác xã B giao khoán chung thửa ruộng tục danh "Ruộng Gò", diện tích khoảng 3.200m^2, chia mỗi người được 1.600m^2, thửa ruộng này được trích từ quỹ đất dự phòng 10% do HTX B giữ lại sau thời điểm giao khoán đất % năm 1990. Thời điểm giao khoán hộ gia đình ông T chỉ còn một mình ông T.

Hội đồng xét xử xét thấy, lời trình bày của bị đơn ông Tô Công T về thời điểm Hợp tác xã B giao khoán đất là năm 1992 phù hợp với lời khai của người làm chứng ông Đ và ông Võ Hữu N nên được xem xét, chấp nhận.

Bà Viên Thị K trình bày thời điểm giao khoán là năm 1989, tại phiên tòa ngày 09/4/2019, bà khai sau khi nhận khoán ruộng bà không canh tác ngày nào mà giao cho ông Tcanh tác. Đến phiên tòa hôm nay, bà thay đổi lời khai là bà cùng với ông Tcanh tác từ năm 1989 đến năm 1992 thì ly hôn nhưng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày này. Mặt khác, vào ngày 24/4/1992 tại phiên tòa ly hôn sơ thẩm cũng như tại bản án ly hôn số 02/LH-PT ngày 22/6/1992 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận về phần chia tài sản chung, thửa đất 105 không được thể hiện là tài sản chung. Việc bà K cho rằng giữa bà và ông Tđã thỏa thuận miệng là để thửa đất này cho các con nhưng không đưa ra được tài liệu chứng cứ nào chứng minh cho lời trình bày của mình và ông Tkhông thừa nhận lời trình bày này của bà K. Bà K trình bày trước khi

nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện N (bản án ly hôn được tuyên xử ngày 24/4/1992), bà đã đưa các con về nhà mẹ đẻ ở P sinh sống trước mấy tháng; Ngoài thửa ruộng đang tranh chấp, năm 1990 hộ gia đình bà được Nhà nước giao khoán đất ruộng % theo bình quân nhân khẩu nhưng đã được Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận giải quyết, phân chia xong tại bản án ly hôn số 02/LH-PT ngày 22/6/1992. Lời trình bày này của bà K là phù hợp với lời khai của ông Đ về việc thời điểm năm 1990, Hợp tác xã B tiến hành giao khoán ruộng đất % trên bình quân nhân khẩu cho bà con thuộc địa bàn thôn B, tuy nhiên có giữ lại 10% đất để dự phòng; Thửa "Ruộng Gò" diện tích 3.200m^2 ông Bông và ông Tđược ưu tiên giao khoán trích từ 10% đất dự phòng này; Thời điểm khoán ruộng cho ông Truyền, hộ gia đình ông T chỉ còn mình ông T. Do đó, lời khai của ông Đ được Hội đồng xét xử xem xét, làm căn cứ giải quyết vụ án.

Về quá trình sử dụng đất: Ông Tô Công T trình bày, sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1993, ông T đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa 105 cho vợ chồng ông Tô Công Thanh H và bà Võ Thị Như Thủy và chuyển vào tỉnh Bình Dương sinh sống, sau khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, vợ chồng ông H, bà T đã canh tác ổn định, công khai trên đất trong suốt 22 năm, đến năm 2015 bà K mới phát sinh tranh chấp là một khoảng thời gian khá dài.

Mặt khác, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 604539, Ủy ban nhân dân huyện N cấp đứng tên ông Tô Công T không phải hộ gia đình, ngày cấp là ngày 05 tháng 4 năm 1993 sau thời điểm ông T và bà K ly hôn. Tại Công văn số 1350/UBND-NC ngày 12/4/2019, Ủy ban nhân dân huyện N xác định: Thửa đất số 105, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại thị trấn P, huyện N diện tích 1.536m^2 được UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 604539 ngày 05 tháng 4 năm 1993 đứng tên ông Tô Công T là cấp cho ông Tô Công T.

Như vậy, có sơ sở xác định nguồn gốc thửa đất số 105, tờ bản đồ số 01 thị trấn P, huyện N, diện tích 1.536m^2 nay tương ứng là thửa đất số 857, tờ bản đồ số 09, thị trấn P do Hợp tác xã B giao khoán cho ông Tô Công T năm 1992, không phải cho hộ gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn ông Tô Công T về việc sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn bà Viên Thị K.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn ông Tô Công T và quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa; Sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 70/2018/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

[2.2] Về chi phí thẩm định, định giá và trích lục tại Tòa án cấp sơ thẩm: Bà Viên Thị K tự nguyện chịu và đã nộp đủ nên Hội đồng không xem xét.

[2.3] Án phí dân sự sơ thẩm:

- Diện tích đất bà Viên Thị K khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung, theo trích lục ngày 22/8/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh N là 1.569m^2, Hội đồng định giá Tòa án cấp sơ thẩm thành lập xác định có giá 62.760.000đ. Yêu cầu khởi kiện của bà K không được chấp nhận toàn bộ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 62.760.000đ x 5% = 3.138.000đ, nhưng được khấu trừ vào số tiền 2.500.000đ tiền tạm ứng án phí bà K đã nộp theo biên lai thu tiền số 0014619 ngày 14 tháng 12 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Bà K còn phải nộp là 638.000đ.

- Ông Tô Công T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm

[2.4] Án phí dân sự phúc thẩm: Nội dung kháng cáo ông Tô Công T dẫn đến sửa bản án sơ thẩm nên ông T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- **Áp dụng:** Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Sửa bản án hôn nhân gia đình số 70/2018/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- **Áp dụng:** Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 48; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 148; Điều 227; Điều 313 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 221 của Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

1. Chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn ông Tô Công T.

2. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Viên Thị K về việc chia tài sản chung sau khi ly hôn đối với thửa đất số 105, tờ bản đồ số 01 thị trấn P, huyện N, diện tích 1.536m^2.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Viên Thị K phải chịu 3.138.000đ (ba triệu một trăm ba mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà K đã nộp theo biên lai

thu tiền số 0014619 ngày 14 tháng 12 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Bà K còn phải nộp là 638.000đ (sáu trăm ba mươi tám nghìn đồng).

+ Ông Tô Công T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Tô Công T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm được hoàn trả 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0017910 ngày 10/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N (ông Tô Công Thanh H nộp thay).

Án xử phúc thẩm công khai có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Đương sự ;
- TAND cấp cao tại Tp HCM;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- TAND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Phòng KTNV - THA;
- Lưu(HS-AV, Tổ HCTP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Hưng Dũng